

Số: 1492/QĐ-BNN-CB

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện tái cơ cấu ngành muối
theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1815/TTg-KTN ngày 22/9/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4513/QĐ-BNN-CB ngày 21/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Kế hoạch hành động thực hiện tái cơ cấu ngành muối theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Các Vụ: TC, KHCN, HTQT, PC; TCCB;
- Các Tổng cục: Thủy sản, Thủy lợi;
- Cục Quản lý xây dựng công trình;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, CB.



Cao Đức Phát

KẾ HOẠCH
HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH MUỐI
THEO HƯỚNG NÂNG CAO TRỊ GIÁ TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
(Kèm theo Quyết định số: *1492/QĐ-BNN-CB* ngày *04* tháng *5* năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1815/TTg-KTN ngày 22/9/2014 về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch hành động với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung mở rộng diện tích, đầu tư phát triển nghề muối công nghiệp hiện đại, quy mô lớn; đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là thủy lợi phục vụ sản xuất muối; áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong chế biến; nâng cao năng suất, chất lượng, sản lượng muối, ổn định sản xuất và nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho diêm dân. Thực hiện có hiệu quả phát triển sản xuất, chế biến muối theo quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 gắn với thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.


2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2020, tổng diện tích sản xuất muối ổn định 14.500 ha, sản lượng đạt 2.000.000 tấn, trong đó diện tích sản xuất muối công nghiệp 8.000 ha, sản lượng công nghiệp đạt 1.310.000 tấn (chiếm 65,5%);

b) Chất lượng muối đạt các chỉ tiêu chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia tương ứng với từng loại muối.

c) Phát triển diện tích sản xuất muối công nghiệp, áp dụng khoa học công nghệ, thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất, nhất là khâu thu hoạch muối, tăng năng suất 20%, tăng giá trị gia tăng các sản phẩm muối ít nhất 20% so với hiện nay.

d) Nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống thủy lợi đồng muối của dân, áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến muối, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm muối ít nhất 20% so với hiện nay.

đ) Xây dựng được mô hình liên kết hợp tác sản xuất muối sạch bền vững, thúc đẩy sự hợp tác của người dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ muối. 

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về quy hoạch

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả "Quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030" ở các địa phương theo các nhiệm vụ về quy hoạch tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Về thực hiện các chính sách phát triển ngành muối

Triển khai đồng bộ các chính sách đã ban hành đối với lĩnh vực diêm nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối theo hướng:

a) Về đất đai:

- Giữ vững diện tích đất làm muối, đơn giản hoá, minh bạch các thủ tục cho thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tạo điều kiện thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai chuyển sang sản xuất muối công nghiệp.

- Thực hiện dứt điểm việc giao đất hoặc cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất muối yên tâm đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; giữ ổn định diện tích sản xuất muối công nghiệp trong quy hoạch.

- Không thu hồi, chuyển đổi diện tích sản xuất muối trong quy hoạch; có phương án hỗ trợ người dân chuyển đổi diện tích muối không có hiệu quả sang ngành nghề khác có hiệu quả cao hơn. Khuyến khích nông dân được góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất để liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối.

c) Về tín dụng:

- Nghiên cứu và ban hành chính sách tín dụng ưu đãi đối với lĩnh vực diêm nghiệp.

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, vốn tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối.

d) Về khuyến diêm:


Hàng năm, ưu tiên bố trí nguồn vốn của Trung ương và địa phương để xây dựng và triển khai thực hiện các dự án, mô hình khuyến diêm trong chương trình khuyến nông quốc gia.

đ) Về quản lý nhà nước:

Xây dựng Nghị định của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh muối.

3. Về khoa học công nghệ

a) Đối với sản xuất muối theo công nghệ phơi cát và phơi nước phân tán:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến nông, khuyến công, khoa học công nghệ, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo của Trung ương, địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện: 

- Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất muối sạch thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng sản xuất muối phơi cát và phơi nước phân tán.

- Ứng dụng vật liệu mới có khả năng truyền, dẫn và hấp thụ nhiệt tốt để làm nền ô kết tinh nhằm tăng năng suất, sản lượng muối. Ứng dụng cơ giới trong một số khâu như: bơm nước mặn, vận chuyển bằng xe cơ giới...

- Nghiên cứu và ứng dụng kết hợp sản xuất muối với nuôi trồng thủy sản ngoài thời vụ làm muối, để tận dụng đất và nước mặn nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích.

- Hỗ trợ diêm dân nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất muối sạch, nâng cao năng suất, chất lượng và tập huấn quy trình sản xuất muối sạch cho bà con diêm dân, đến năm 2020 thực hiện trải bạt nền ô kết tinh chiếm (40 – 60) % tổng diện tích muối thủ công, tạo nguồn nguyên liệu sạch để chế biến muối tinh chất lượng cao.

- Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng các mô hình kết tinh muối ứng dụng hiệu ứng nhà kính nhằm giảm thiểu rủi ro do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

b) Đối với sản xuất muối công nghiệp tập trung:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của Trung ương, địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện:

- Hỗ trợ nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất muối theo hướng cơ giới hóa, hiện đại hóa gắn với hệ thống cấp nước biển và chế chát trong sản xuất muối để ứng dụng cho các đồng muối công nghiệp.

- Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tin học trong việc đo và xử lý số liệu về nồng độ nước biển, bức xạ nhiệt, gió ... trong quá trình sản xuất muối.


- Hỗ trợ nghiên cứu cải tạo nền ô kết tinh để thực hiện cơ giới hóa đồng bộ các khâu từ cung cấp nước biển đến thu hoạch, rửa và đánh đồng bảo quản muối.

c) Rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về muối phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

4. Về đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất muối

Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng sản xuất muối công nghiệp, muối sạch với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Thực hiện phát triển sản xuất, chế biến muối theo Quyết định 4513/QĐ-BNN-CB ngày 21/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

5. Về đào tạo nguồn nhân lực

- Lồng ghép các chương trình đào tạo khác nhau, thực hiện có hiệu quả Chương trình đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. 

- Ưu tiên đào tạo, bổ sung cán bộ có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, chế biến muối. Bố trí tăng kinh phí từ nguồn kế hoạch khuyến nông hàng năm tổ chức tập huấn cho người dân về quy trình kỹ thuật sản xuất muối sạch.

- Hàng năm có kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về nghề muối từ tỉnh đến các xã có sản xuất muối.

6. Về thị trường

- Nâng cao năng lực dự báo nhu cầu thị trường, cân đối cung cầu muối. Tổ chức giới thiệu, quảng bá sản phẩm và đáp ứng đủ muối tinh Iốt đảm bảo an toàn thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng dân sinh.

- Xây dựng Đề án thu mua và sản xuất cung ứng muối iốt giai đoạn 2016-2020.

- Bố trí trong nguồn kế hoạch xúc tiến thương mại hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương để hỗ trợ xây dựng, quảng bá thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho muối, sản phẩm sau muối.

- Khuyến khích mở rộng doanh nghiệp, thành lập hợp tác xã để hỗ trợ diêm dân trong cung ứng vật tư, bao tiêu sản phẩm cho diêm dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối:

Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện “Kế hoạch hành động thực hiện tái cơ cấu ngành muối theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”, bao gồm các nhiệm vụ chính sau:.

- Phổ biến, tuyên truyền về kế hoạch hành động nêu trên; thông báo rộng rãi Quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt, các chính sách hỗ trợ tín dụng, đầu tư phát triển ngành muối, các tiến bộ khoa học kỹ thuật đối với lĩnh vực diêm nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục có liên quan và địa phương triển khai các chính sách đã có đối với lĩnh vực diêm nghiệp; rà soát, bổ sung đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối.

- Tổng hợp, đề xuất xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất muối hàng năm gửi Vụ Kế hoạch để tổng hợp trình Bộ.

- Đầu mối tổng hợp tình hình, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

b) Vụ Kế hoạch:

- Cân đối, bố trí vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển ngành muối theo các nhiệm vụ kế hoạch tái cơ cấu ngành muối hàng năm.

- Tổng hợp danh mục các dự án đang thực hiện dở dang, các dự án mở mới báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Vụ Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh muối, hỗ trợ thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành muối;

- Bố trí kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm để thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành muối.

d) Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, đề xuất các đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới cho sản xuất muối.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung chính sách về khuyến nông theo hướng các dự án khuyến công lĩnh vực nghề muối là dự án đặc thù, thực hiện hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng các mô hình khuyến diêm sản xuất muối sạch, mô hình ứng dụng hiệu ứng nhà kính nhằm giảm thiểu rủi ro do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

đ) Vụ Tổ chức cán bộ:

- Chủ trì, phối hợp với Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối thực hiện có hiệu quả Chương trình đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hàng năm có kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về nghề muối từ tỉnh đến các xã có sản xuất muối đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, chế biến muối.

e) Vụ Hợp tác quốc tế:

Chủ trì, phối hợp với Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối đưa nội dung tái cơ cấu ngành muối vào các chương trình hợp tác, đàm phán kêu gọi nguồn lực quốc tế tham gia thực hiện kế hoạch hành động này.

g) Các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Căn cứ kế hoạch hành động này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch hành động này.

2. Đối với các địa phương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Kế hoạch đã được phê duyệt chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở/ban ngành liên quan thực hiện:

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất, chế biến muối trên địa bàn phù hợp với “Quy hoạch Phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” đã được phê duyệt. Trong đó, tập trung phát triển ở những vùng có

khả năng sản xuất muối cho năng suất cao, sản lượng lớn, chất lượng đảm bảo cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất công nghiệp trong nước. Thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai để chuyển sang sản xuất muối tập trung, qui mô công nghiệp.

- Thực hiện dứt điểm việc giao đất hoặc cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất muối yên tâm đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; giữ ổn định diện tích sản xuất muối hiện có theo quy hoạch được phê duyệt.

- Ưu tiên bố trí vốn ngân sách địa phương và thực hiện lồng ghép nguồn vốn các chương trình xóa đói, giảm nghèo, khuyến nông, khuyến công, xây dựng nông thôn mới để thực hiện các nhiệm vụ tái cơ cấu ngành muối theo Kế hoạch này.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ muối phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương. /

BỘ TRƯỞNG



Cao Đức Phát

Phụ lục
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH MUỐI
THEO HƯỚNG NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(Kèm theo Quyết định số: **1492/QĐ-BNN-CB** ngày **04** tháng **5** năm **2015**
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5
1	Phổ biến, quán triệt, tuyên truyền về kế hoạch hành động	Cục Chế biến NLTs và NM	Văn phòng Bộ, các địa phương	2015- 2020
2	Về quy hoạch			
2.1	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch sản xuất, chế biến muối trên địa bàn phù hợp với “Quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” đã được phê duyệt	UBND các tỉnh, thành phố có sản xuất muối	Sở NN và PTNT, UBND huyện có sản xuất muối	2015- 2016
2.2	Thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để chuyển sang sản xuất muối tập trung, qui mô công nghiệp	UBND các tỉnh, thành phố có sản xuất muối	Sở NN và PTNT, UBND huyện, xã có sản xuất muối và các đơn vị SX muối	2015-2020
2.3	Tiến hành rà soát, thực hiện giao đất hoặc cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giữ ổn định diện tích sản xuất muối công nghiệp hiện có.	UBND các tỉnh, thành phố có sản xuất muối	Sở NN và PTNT, UBND huyện có sản xuất	2015- 2016
3	Về thực hiện chính sách phát triển ngành muối			
3.1	Xây dựng Nghị định của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh muối	Cục Chế biến NLTs và NM	Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2015-2016
3.2	Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, vốn tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối	UBND các tỉnh, thành phố có sản xuất muối	Cục Chế biến NLTs và NM, Sở NN và PTNT, UBND huyện các tỉnh	2015-2020

1	2	3	4	5
4	Về khoa học công nghệ			
4.1	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất muối sạch thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng sản xuất muối phơi cát và phơi nước phân tán	Vụ KHCN và MT	Cục Chế biến NLTS và NM; Viện Cơ điện và CNSTH	2015-2017
4.2	Nghiên cứu và ứng dụng kết hợp sản xuất muối với nuôi trồng thủy sản ngoài thời vụ làm muối, để tận dụng đất và nước mặn	Vụ KHCN và MT	Cục Chế biến NLTS và NM; Viện Cơ điện và CNSTH	2017-2018
4.3	Hỗ trợ người dân sản xuất muối nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất muối sạch, nâng cao năng suất, chất lượng; tổ chức tập huấn quy trình sản xuất muối sạch	UBND các tỉnh, thành phố có SX muối	Cục Chế biến NLTS và NM; Viện Cơ điện và CNSTH	2015-2020
4.4	Xây dựng và triển khai các mô hình kết tinh muối ứng dụng hiệu ứng nhà kính nhằm giảm thiểu rủi ro do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	Vụ KHCN và MT, Trung tâm KN các tỉnh, thành phố có sản xuất muối	2015-2020
4.5	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất muối theo hướng cơ giới hóa, hiện đại hóa gắn với hệ thống cấp nước biển và chế chặt trong sản xuất muối để ứng dụng cho các đồng muối công nghiệp	Vụ KHCN và MT	Cục Chế biến NLTS và NM; Viện Cơ điện và CNSTH	2018-2019
4.6	Hỗ trợ nghiên cứu cải tạo nền ô kết tinh để thực hiện cơ giới hóa đồng bộ các khâu từ cung cấp nước biển đến thu hoạch, rửa và đánh đồng bảo quản muối.	Vụ KHCN và MT	Cục Chế biến NLTS và NM; Viện Cơ điện và CNSTH	2017-2018
4.7	Rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về muối phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.	Cục Chế biến NLTS và NM	Vụ KHCN và MT	2015- 2020
5	Đầu tư phát triển sản xuất muối			
5.1	Dự án Khu kinh tế muối công nghiệp và xuất khẩu Quán Thê	Cục Chế biến NLTS và NM, Vụ KH	Chủ đầu tư, Địa phương và Doanh nghiệp	2015- 2018
5.2	Dự án đầu tư Đồng muối công nghiệp diêm dân Bắc Tri Hải – Nhơn Hải	UBND tỉnh Ninh Thuận	Sở NN và PTNT, diêm dân và doanh nghiệp	2018-2020
5.3	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Thuận Hòa Hải – Nghệ An	Cục Chế biến NLTS và NM, Vụ KH	Chủ đầu tư, Địa phương	2015

1	2	3	4	5
5.4	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Hòn Khói – Khánh Hòa	Cục Chế biến NLTS và NM, Vụ KH	Chủ đầu tư, Địa phương	2016-2018
5.5	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Ròn – Quảng Bình	Cục Chế biến NLTS và NM, Vụ KH	Chủ đầu tư, Địa phương	2016-2017
5.6	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Bạch Long – Nam Định	Cục Chế biến NLTS và NM, Vụ KH	Chủ đầu tư, Địa phương	2018-2019
5.8	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Tuyết Diêm – Phú Yên	Cục Chế biến NLTS và NM, Vụ KH	Chủ đầu tư, Địa phương	2017-2019
5.9	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Cần Giờ - TP. Hồ Chí Minh	Cục Chế biến NLTS và NM, Vụ KH	Chủ đầu tư, Địa phương	2017-2019
5.10	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Bảo Thạnh – Bến Tre	Cục Chế biến NLTS và NM, Vụ KH	Chủ đầu tư, Địa phương	2018-2020
5.11	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Đông Hải – Bạc Liêu	Cục Chế biến NLTS và NM	Chủ đầu tư, Địa phương	2018-2020
6	Đào tạo nguồn nhân lực			
6.1	Thực hiện có hiệu quả Chương trình đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.	Vụ TCCB, Cục Chế biến NLTS và NM	Các địa phương, doanh nghiệp	2015-2020
6.2	Hàng năm có kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về nghề muối từ tỉnh đến các xã có sản xuất muối đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, chế biến muối.	Vụ TCCB, Cục Chế biến NLTS và NM	Các địa phương, doanh nghiệp	2015-2020
6	Xúc tiến thương mại và phát triển thị trường			
6.1	Tổ chức xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm muối, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.	Cục Chế biến NLTS và NM, Vụ HTQT	Các địa phương, doanh nghiệp	2015-2020
6.2	Xây dựng Đề án thu mua và sản xuất cung ứng muối iốt giai đoạn 2016-2020	Cục Chế biến NLTS và NM; Tổng Cty LTMB	Các địa phương, doanh nghiệp	2015-2016
6.3	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm muối	UBND các tỉnh, thành phố có SX muối	Cục Chế biến NLTS và NM; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2015-2020